

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới kiểu mẫu
giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 195/TTr-SNN ngày 12/9/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Bộ tiêu chí).

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban ngành, đoàn thể căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện, giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố quyết định công nhận thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện, thành phố.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
 - Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
 - Lưu VT, VP3.
- Bh_VP3_QĐ83

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng

BỘ TIÊU CHÍ

Thôn, xóm, bản (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025

áp dụng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

TT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU
1	Nhà ở và công trình phụ trợ	1.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	100%
		1.2. Các công trình phụ trợ thuận tiện sinh hoạt, ngăn nắp, hợp vệ sinh.	Đạt
		1.3. Tỷ lệ hộ có hàng rào cây xanh hoặc hàng rào khác được xây dựng tạo khuôn viên sạch đẹp.	> 95%
		1.4. Tỷ lệ hộ gia đình đạt “nhà sạch - vườn đẹp” theo quy định của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh hiện hành.	≥70%
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ các tuyến đường thôn, xóm, bản được nhựa hóa, bê tông hóa không bị ngập đọng nước; các vị trí giao cắt nguy hiểm có bố trí hệ thống an toàn giao thông theo quy định (biển chỉ dẫn, biển cảnh báo nguy hiểm, các cụm băng giảm tốc...).	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, xóm, bản có cây bóng mát hai bên đường (đối với những đoạn đường có thể trồng được, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng giao tán khi trưởng thành) hoặc cây trồng tạo hàng rào đường hoa được cắt tỉa đảm bảo không che khuất tầm nhìn.	100%
		2.3. Đường trục thôn, xóm, bản có mốc hành lang an toàn đường bộ, lòng đường vỉa hè không bị lấn chiếm, không vi phạm hành lang an toàn giao thông.	Đạt
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện.	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện.	100%
		3.3. Tỷ lệ đường trục thôn có hệ thống điện chiếu sáng.	100%
		3.4. Người dân được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sử dụng điện tiết kiệm, an toàn điện và phòng tránh tai nạn điện.	Đạt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU
4	Thông tin và truyền thông	4.1. Có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt.	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện thoại thông minh.	≥90%
		4.3. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực Nhà văn hoá thôn, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm vui chơi giải trí...).	Đạt
5	Văn hóa	5.1. Cơ sở vật chất Nhà văn hoá - Khu thể thao	
		- Nhà văn hóa có đủ bàn ghế, sân khấu, phòng màn sân khấu, bộ trang trí khánh tiết, thiết bị âm thanh, ánh sáng.	Đạt
		- Khu vực nhà văn hoá, sân thể thao có trồng hoa, cây xanh và có nhà vệ sinh.	Đạt
		- Có nhạc cụ, dụng cụ thể thao phổ thông phù hợp với hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao của nhân dân trong thôn.	Đạt
		- Có tối thiểu 5 thiết bị (dụng cụ) luyện tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ người dân trong đó có thiết bị phục vụ người cao tuổi và trẻ em.	Đạt
		- Có tủ sách phục vụ cộng đồng.	Đạt
		5.2. Tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao	
		- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được duy trì tổ chức thường xuyên trong năm đảm bảo thu hút từ 50% số dân tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, 25% số dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao trở lên.	Đạt
		- Có tổ chức hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.	Đạt
		- Có ít nhất 01 tổ/đội/nhóm/câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên.	Đạt
		5.3. Xây dựng Gia đình văn hóa, Khu dân cư văn hóa	
		- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” hàng năm đạt ≥90%.	Đạt
- Có tối thiểu 02 năm liên tục được công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa” liền kề thời điểm xét công nhận thôn kiểu mẫu.	Đạt		
- Tỷ lệ gia đình thực hiện đúng quy định nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%		

TT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU
		5.4. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước	
		- Thôn có hương ước, quy ước và được cơ quan có thẩm quyền công nhận.	Đạt
		- Tỷ lệ người dân thực hiện đúng hương ước, quy ước.	100%
6	Giáo dục	6.1. Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo.	≥ 95%
		6.2. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học tiếp tục học trung học cơ sở.	100%
		6.3. Không có học sinh vi phạm pháp luật; Thôn có quỹ khuyến học, huy động, sử dụng hiệu quả.	Đạt
7	Y tế	7.1. Thôn có tối thiểu 1 nhân viên y tế đáp ứng tiêu chuẩn và hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Thông tư 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản.	Đạt
		7.2. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%
8	Cảnh quan môi trường	8.1. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và điểm sinh hoạt cộng đồng có các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu phân loại: 1. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; 2. Chất thải thực phẩm; 3. Chất thải rắn sinh hoạt khác.	100%
		8.2. Có tổ vệ sinh môi trường được trang bị phương tiện để thu gom, vận chuyển xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt
		8.3. Định kỳ tối thiểu 02 lần/tháng tổng vệ sinh chung toàn thôn.	Đạt
		8.4. Tập kết rác đúng thời gian; điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải bố trí thiết bị lưu chứa chất thải phù hợp với loại chất thải, có dung tích phù hợp với thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường; thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi chuyển giao chất thải cho các phương tiện vận chuyển.	Đạt
		8.5. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung hoặc hệ thống cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình.	≥80%
9	Thu nhập và hộ nghèo	9.1. Không có hộ nghèo (trừ các đối tượng thuộc diện: không có khả năng lao động; bảo trợ xã hội; do tai nạn, rủi ro bất khả kháng hoặc do mắc bệnh hiểm nghèo).	Đạt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU
		9.2. Thu nhập bình quân đầu người/năm của thôn tại thời điểm xét, công nhận cao hơn từ 10% trở lên so với mức quy định của xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.	Đạt
10	Hệ thống chính trị, quốc phòng, an ninh	10.1. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, Chi bộ và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội thôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và tương đương trở lên.	Đạt
		10.2. Ban Phát triển thôn hoạt động hiệu quả, có đề án, kế hoạch xây dựng nông thôn mới của thôn có sự tham gia của cộng đồng được phê duyệt, triển khai thực hiện có hiệu quả.	Đạt
		10.3. An ninh trật tự đảm bảo, không có cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại các mục tiêu, công trình liên quan An ninh quốc gia, truyền đạo trái pháp luật; không có công dân của thôn phạm tội nghiêm trọng trở lên trong năm xét công nhận.	Đạt
		10.4. Không có công dân vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự trong năm xét công nhận.	Đạt
		10.5. Tổ hòa giải hoạt động hiệu quả, hòa giải, giải quyết kịp thời mâu thuẫn tại cộng đồng; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; số người mắc các tai tệ nạn xã hội giảm so với năm liền kề thời điểm xét công nhận.	Đạt
		10.6. Có mô hình phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ phát huy tác dụng, hiệu quả trong phòng, chống tội phạm, tai, tệ nạn xã hội, được Chủ tịch UBND xã khen thưởng trở lên.	Đạt
		10.7. Thôn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 124/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an.	Đạt